TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BL** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HS-ST
Ngày 10 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BL, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lục Ích Tuân.

Bà Nông Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hạ Thị Soan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2025/TLST-HS ngày 07/02/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HS ngày 24/02/2025 đối với bị cáo:

Nhàn Văn L (tên gọi khác: Không), sinh ngày 11/7/1986 tại huyện B, tỉnh Cao Bằng; Căn cước công dân: 004086008366; Nơi cư trú: xóm N, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 03/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nhàn Văn N, sinh năm 1946 và con bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1954; vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực B thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh C. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Nhàn Thị H, sinh ngày 27/7/2006; Nơi cư trú: xóm N, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Nhàn Văn K, sinh ngày 01/01/1965; Nơi cư trú: xóm N, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

- *Người làm phiên dịch:* Ông Ma Văn Đ1; Nơi cư trú: Khu A, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/11/2024, Nhàn Thị H đến Công an xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng để trình báo sự việc: Khoảng 14 giờ ngày 03/11/2024, H bị Nhàn Văn L hiếp dâm tại đồi cỏ thuộc khu vực xóm N, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Công an xã N đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng để giải quyết theo thẩm quyền. Kết quả điều tra như sau:

Trưa ngày 03 tháng 11 năm 2024, L uống rượu trong xóm rồi một mình đi bộ về nhà, L đi theo khe suối để đi tìm rau rừng. Khoảng 14 giờ cùng ngày, L gặp H đang chăn trâu ở cạnh đường mòn khu vực Khu Ổ thuộc xóm N, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng, lúc này, L nảy sinh ý định muốn được giao cấu với H. L thấy H đang ngồi trên bề mặt cỏ, L đã đi vòng ra phía sau của H và bất ngờ dùng hai tay ôm H từ phía sau, L để hai cổ tay của H sát gần nhau, dùng tay phải nắm lấy phần cổ tay hai tay của H và ghì xuống đất để khống chế sự kháng cự của H. Lúc này, mặt của H đối diện với mặt đất, L ở phía sau áp sát vào lưng của H. Tiếp đó, L dùng tay trái sờ ngực của H (H vẫn mặc áo bên ngoài). H đã giật mình và hét lên bằng tiếng dân tộc Tày "Sao chú lại về bóp ngực của cháu làm gì, chú bỏ ra". L không nói gì mà vẫn dùng một tay khống chế, ôm giữ hai tay của H, tay còn lại bóp ngực của H. Quá trình thực hiện L có đổi tay để sờ, bóp ngực H. H định bỏ chạy nhưng do đã bị L giữ chặt nên H không thể bỏ chạy được. H khóc và liên tục vùng vẫy để thoát ra nhưng không được. L dọa H "Khóc nhiều tao lấy giẻ lau bịt vào mồm". Sau đó L đẩy H về phía trước và thả tay của H ra làm cho H cúi người về phía trước, hai tay chống xuống đất ở tư thế quỳ, L ở bên trên, đè lên người của H rồi dùng hai tay bóp ngực H. L dùng cơ thể đè H xuống và dùng hai tay tiếp tục ôm và bóp ngực của H, được khoảng 02 phút thì L thấy mệt do đã say rượu và bị H kháng cự. Đúng lúc đó, ông Nhàn Văn K đi lấy củi về và bước đến gần, L nhìn thấy ông K đã lập tức bỏ H ra, sau đó H bỏ chạy. Ông Kim T lại gần và bảo với L "không được làm như thế", L không nói gì và mượn ông Kim Ố điếu để hút thuốc lào. H bỏ chạy về thì gặp bà Lý Thị L1 đang phát rẫy, bà L1 hỏi "Sao lại khóc?", H đã kể lại sự việc, sau đó, bà L1 đưa H về nhà. Về phần L, sau khi hút thuốc lào xong, L đi về nhà anh trai để ngủ, khi tỉnh dậy, L nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nên đã bỏ lên rừng để trốn.

Bản Cáo trạng số 05/CT-VKSBL ngày 06/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nhàn Văn L về tội Hiếp dâm, quy định tại khoản 1, Điều 141 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nhàn Văn L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng, bị cáo L đề nghị miễn án phí.

Bị hại Nhàn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, đã đề nghị: Về trách nhiệm hình sự, xử lý nghiêm bị cáo; về trách nhiệm dân sự, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo L theo Cáo trạng số 05/CT-VKSBL ngày 06/02/2025. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo L đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Nhàn Văn L phạm tội Hiếp dâm.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 141; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 15; khoản 3, Điều 57; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo L từ 1 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Tại phiên toà bị cáo nộp đơn xin miễn án phí, đề nghị miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo L không có ý kiến tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, nhất trí với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BL trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BL là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị hại vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt, việc vắng mặt bị hại, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ khoản 1, Điều 292; khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về hành vi phạm tội và tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ ngày 03/11/2024, tại khu vực Khu Ổ thuộc xóm N, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng, bị cáo Nhàn Văn L do đã uống rượu từ trước nên nảy

sinh ý định giao cấu trái ý muốn của bị hại Nhàn Thị H. L đã đi vòng ra phía sau của H và bất ngờ dùng hai tay ôm H, dùng sức khống chế H, đè ghì hai cổ tay của H xuống đất, dùng tay trái sờ ngực của H. Khi H khóc và la hét, L vẫn tiếp tục dùng một tay khống chế, ôm giữ hai tay của H, tay còn lại bóp ngực của H. L còn dọa H "Khóc nhiều tao lấy giẻ lau bịt vào mồm". Sau khoảng 02 phút thì L thấy mệt do đã say rượu và bị H kháng cự, cùng lúc đó, ông Nhàn Văn K đi lấy củi về và bước đến gần, L nhìn thấy ông K thì lập tức bỏ H ra.

Bị cáo L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, do vậy, hành vi dùng vũ lực, dùng lời nói đe doạ nhằm thực hiện hành vi giao cấu trái ý muốn của bị hại H, đã đủ yếu tố đã đủ yếu tố cấu thành tội Hiếp dâm, quy định tại khoản 1, Điều 141 của Bộ luật Hình sự, do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nhàn Văn L về tội Hiếp dâm theo khoản 1, Điều 141 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Đồng phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo một mình thực hiện hành vi phạm tội nên không có đồng phạm. Hành vi phạm của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự và quyền tự do tình dục của con người, ảnh hưởng đến tâm sinh lý của bị hại, gây mất trật tự an ninh tại địa phương, gây hoang mang cho người dân sinh sống trên địa bàn. Cần thiết phải xử phạt bị cáo thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, cần xem xét thêm về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo L là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo được bố mẹ nuôi dưỡng, được học tập đến lớp 3/12 phổ thông thì bỏ học ở nhà sinh sống bằng nghề trồng trọt. Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng kết quả xác minh tại địa phương xác định, bị cáo L thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống rượu say L có biểu hiện quấy rối phụ nữ trong xóm, gây mất an ninh trật tự, do đó, Hội đồng xét xử xác định bị cáo L có nhân thân xấu.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về mức hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo phạm tội nghiêm trọng do cố ý, nhân thân xấu nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo L chưa thực hiện giao cấu được với bị hại H do nguyên nhân khách quan,

nằm ngoài ý muốn của bị cáo nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp "Phạm tội chưa đạt" theo Điều 15 của Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3, Điều 57 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt tù không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định. Mức hình phạt đối với bị cáo L theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL là phù hợp, được chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5, Điều 141 của Bộ luật Hình sự, "Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm". Qua xác minh tại địa phương, bị cáo L thường đi lang thang, chỗ ngủ thường ở trong rừng, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nhàn Thị H không yêu cầu bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nhưng xét đơn xin miễn án phí của bị cáo L. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[13] Các đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, án phí đều phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nhàn Văn L phạm tội Hiếp dâm.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1, Điều 141; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 15; Điều 38; khoản 3, Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nhàn Văn L 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/11/2024. Không phạt bổ sung bị cáo.

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nhàn Văn L.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện BL;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Phân trại tạm giam khu vực BL;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim